

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05)
của Công ty TNHH Nông Trại Xanh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3361/STNMT-CCBVM ngày 24/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1347/TTr-STNMT ngày 12/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nông Trại Xanh (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại tại lô KB-DV 05, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Công ty TNHH Nông Trại Xanh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Lộc;
- CVP, PVP TD;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU
KHO BÃI, DỊCH VỤ, LOGISTICS (KB-DV 05)

(Kèm theo Quyết định số /UBND-QĐ ngày / /2024
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05).
- Địa điểm thực hiện: lô KB-DV 05, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Nông Trại Xanh.
- Địa chỉ liên hệ: lô B7, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Tổng diện tích 4,02ha.

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	13.933,00	34,62
2	Đất cây xanh - mặt nước	9.819,40	24,40
3	Đất giao thông, sân bãi và HTKT	16.491,46	40,98

- Công suất:
 - + Công suất khu vực lưu trữ trong nhà 30.000 tấn.
 - + Công suất tháo dỡ và đóng gói hàng hóa tại khu vực kho CFS: từ 150 – 300 tấn/ngày (tùy chủng loại hàng hóa).
 - + Công suất Bãi Container: sức chứa 640 container.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, xây dựng khu nhà văn phòng, kho lưu trữ hàng, bãi container, hệ thống phụ trợ và đường giao thông nội bộ.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Lán trại trong giai đoạn xây dựng có diện tích khoảng 200m².

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: 01 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định; 01 khu vực rửa bánh xe.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $6\text{m}^3/\text{ngày}$;

+ Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực nhà làm việc.

+ 01 kho chứa CTNH với diện tích 12m^2 phía Tây dự án.

+ 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 12m^2 phía Tây dự án.

+ Tổng diện tích cây xanh khoảng $9.819,40\text{m}^2$.

1.3.3. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ với diện tích khoảng $31.032,53\text{m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng $40.243,86\text{m}^2$ đất, trong đó, diện tích đất trồng lúa khoảng $31.032,53\text{m}^2$, làm ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi và khí thải, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động san nền mặt bằng, thi công công trình, tập kết và lưu trữ nguyên vật liệu, bốc dỡ, lắp đặt thiết bị; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt từ sinh hoạt cán bộ, công nhân; nước thải xây dựng; nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, sự cố,...

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào kho bãi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng $1,44\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $1,6\text{m}^3/\text{ngày}$, nước từ quá trình rửa bánh xe phát sinh khoảng $4,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động của dự án:

- Nước thải sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên phát sinh với lưu lượng khoảng 4,8 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên bề mặt dự án. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 15,5 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,....

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh khối lượng khoảng 10-20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

- Xà bần phát sinh từ việc phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 152 m³.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn thông thường ước tính 1200-1400 kg/ngày. Thành phần gồm bao bì nhựa thải, thùng giấy, pallet hỏng, kim loại vụn.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 3,19 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 17 kg trong suốt thời gian thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn hoạt động: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in....) với khối lượng khoảng 100kg/năm.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng,

đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công, rửa bánh xe: Bố trí bể lắng tạm để thu gom và lắng cặn nước thải trước khi tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với nước thải, các tuyến thoát nước mưa được thiết kế tự chảy trên cơ sở cao độ san nền của dự án.

+ Hoàn trả 02 tuyến mương BTXM hiện trạng rộng 0,8m, phía Tây và khu vực trung tâm dự án bằng 02 tuyến mương kích thước 0,8x0,8m phía Tây và dọc theo ranh phía Đông dự án với tổng chiều dài khoảng 266m.

+ Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương có nắp đan xung quanh khu vực kho bãi (kích thước 0,4x0,4m), sau đó dẫn qua tuyến mương hoàn trả và đầu nối về tuyến mương hiện trạng phía Tây và Nam dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Phương án thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại sau đó dẫn bằng ống HDPE D200 về hệ thống xử lý nước thải công suất 6m³/ngày.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học →

Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (QCVN14:2008/BTNMT, cột B, k=1,2), nước thải sau xử lý được dẫn bằng đường ống HDPE D200 ra mương thủy lợi phía Nam dự án, Tọa độ điểm xả X: 1.531.121– Y: 597.471 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15’).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chở đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án đặt biệt là vị trí đầu nối với Quốc lộ 19 mới.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chăm sóc và trồng thêm cây xanh trong khuôn viên kho bãi.

- Thường xuyên vệ sinh nhà vệ sinh và khuôn viên kho bãi.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Xà bần bóc bỏ các công trình hiện hữu được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định .

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại khuôn viên kho bãi. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định không thực hiện lưu chứa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Thu gom về kho chứa diện tích 12m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại tại công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại tại kho bãi; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 15m² tại phía Tây và hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công để người dân xung quanh được biết.

- Nếu để xảy ra hư hỏng đường hoặc nhà dân, Chủ đầu tư sẽ có phương án đền bù, xử lý phù hợp.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

4.5.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ: Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên liệu và sản phẩm; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hiện thao tác đúng cách khi có sự cố,...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động: công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên,...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải,...

- Trồng cây xanh theo quy hoạch với tổng diện tích 9.819,40 m² (chiếm 24,40% diện tích Dự án).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương thủy lợi phía Đông dự án. Tọa độ: X: 1.531.121; Y: 597.471 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B).

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.